

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-PT

Ngày 29-01-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Tuấn Khải

Ông Phạm Phước Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Thị Duyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 128/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp B, 35 H, Phường L, Quận H, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng N – Phó giám đốc PGD H – Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Long An (Văn bản ủy quyền ngày: 29/6/2018). (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Phan Ngọc V, sinh năm 1966. (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1971 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ thường trú: 135 A, Ô 5 khu B, thị trấn H, huyện Đ, Long An.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1975 (Có mặt); Địa chỉ cư trú: số 137, Ô 5 khu B, thị trấn H, huyện Đ, Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị Thanh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B do ông Nguyễn Trọng N trình bày:

Ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Long An- PGD Đ (nay là Ngân hàng TMCP B chi nhánh Long An - PGD H) theo Hợp đồng tín dụng số T.A 0163.14/HĐTD ngày 13/11/2014 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số TA.0163.14/HĐTD.PL01 ngày 01/12/2014. Số tiền vay: 200.000.000 đ, Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 13/11/2014 đến ngày 13/11/2019), lãi suất 11,5%/năm, Mục đích vay vốn: sửa chữa nhà ở.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số T.A 0163.14/HĐTD ngày 13/11/2014, Ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H thế chấp tài sản chi tiết như sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BO 615159 (vào sổ cấp giấy GCN: CH 00183) do UBND Huyện Đ, Tỉnh Long An cấp ngày 20/04/2013, cụ thể như sau: Thửa đất số: 489, tờ bản đồ số: 13, địa chỉ thửa đất: thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, diện tích: 100 m² (Bằng chữ: Một trăm mét vuông). Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng: lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Nhà ở: Địa chỉ: Khu B, Ô 5 khu B, thị trấn H, huyện Đ, Long An; Diện tích xây dựng: 69,5 m²; Diện tích sàn: 69,5 m²; Kết cấu: Móng, cột BTCT, vách tường, nền gạch, mái tole; Cấp: 4; Số tầng: 1; Nhà và đất cấp cho ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0556.14/HĐTC ngày 13/11/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 0556.14/HĐTC ngày 31/10/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Long An- PGD Đ (Nay là Ngân hàng TMCP B chi nhánh Long An- PGD H) với ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H sử dụng vốn vay để sửa chữa nhà ở. Tuy nhiên, ông V và bà H đã không thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Long An. Cụ thể: Không thanh toán nợ gốc đến hạn, không thanh toán nợ lãi đến hạn. Chính vì vậy, các khoản vay nói trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 14/11/2016.

Đến hết ngày 25/9/2018, ông Phan Ngọc V, bà Nguyễn Thị Mỹ H còn nợ Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Long An – PGD H với tổng số tiền: 204.916.722 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu, chín trăm mười sáu nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng). Trong đó cụ thể như sau: Số tiền gốc là: 160.000.000 đồng. Tổng lãi đến hết ngày 25/9/2018 là: 44.916.722 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu: Do Ông Phan Ngọc V và Bà Nguyễn Thị Mỹ H không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP B đề nghị Toà án Nhân dân huyện Đ buộc ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H

thanh toán một lần toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng bao gồm cả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số T.A 0163.14/HĐTD ngày 13/11/2014 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số TA.0163.14/HĐTD.PL01 ngày 01/12/2014 đã ký với tổng số tiền tính đến hết ngày 25/9/2018 là: 204.916.722 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu, chín trăm mười sáu nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất ghi trên Hợp đồng tín dụng số T.A 0163.14/HĐTD ngày 13/11/2014 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số TA.0163.14/HĐTD.PL01 ngày 01/12/2014 cho đến ngày thi hành án xong.

Nếu ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H không trả được toàn bộ nợ vay bao gồm cả gốc và lãi, đề nghị Tòa án yêu cầu ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp để đảm bảo việc thi hành án theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0556.14/HĐTC ngày 13/11/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 0556.14/HĐTC ngày 31/10/2017 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng TMCP B chi nhánh Long An - PGD H với ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H thống nhất trình bày: Ông Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị Mỹ H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Long An- PGD Đ (nay là Ngân hàng TMCP B chi nhánh Long An- PGD H) theo Hợp đồng tín dụng số T.A 0163.14/HĐTD ngày 13/11/2014 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số TA.0163.14/HĐTD.PL01 ngày 01/12/2014. Cụ thể như sau: Số tiền vay: 200.000.000 đ, Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 13/11/2014 đến ngày 13/11/2019). Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền 204.916.722 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu, chín trăm mười sáu nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng) ông V và bà H đồng ý trả cho ngân hàng, trường hợp không trả được nợ thì đồng ý phát mãi tài sản thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo thi hành án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh T trình bày: nhà và đất tại địa chỉ số 137, Ô 5 khu B, thị trấn H, huyện Đ, Long An là nhà của bà, do đi làm ăn xa, bà có nhờ mẹ của bà là bà Nguyễn Thị C đứng tên, bà C đã tặng cho ông V, ông V mang thế chấp cho ngân hàng, hiện tại bà đang ở trong nhà này. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V trả tiền bà không có ý kiến gì, nhà bà bà ở, bà T không đồng ý giao nhà cho ngân hàng, bà T xác nhận đã được Tòa án giải thích nhưng bà T cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Nếu ông V không có tiền trả cho ngân hàng thì bà đồng ý trả tiền cho ngân hàng.

Ông V, bà H không đồng ý với ý kiến của bà T, đứng ra trả nợ cho ngân hàng, nợ của ông bà, ông bà tự trả.

Ngân hàng không đồng ý yêu cầu của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 471, Điều 715, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 16 Điều 4, Điều 11

Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Mục 3 phần I Thông tư liên tịch 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính – TAND Tối cao – VKSND Tối cao hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Ấn lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất.

Buộc Ông Phan Ngọc V bà Nguyễn Thị Mỹ H trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 204.916.722.đ trong đó tiền nợ gốc 160.000.000đồng và tiền lãi là 44.916.722đ.

Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp đối với tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0556.14/HĐTC ngày 13/11/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 0556.14/HĐTC ngày 31/10/2017 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần B chi nhánh Long An - PGD H

Trong trường hợp ông V bà H không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp là: Thửa đất số: 489, tờ bản đồ số: 13, địa chỉ thửa đất: thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, diện tích: 100 m². Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nhà ở: Địa chỉ: Khu B, Ô 5 khu B, thị trấn H, huyện Đ, Long An; Diện tích xây dựng: 69,5 m² Diện tích sàn: 69,5 m² Kết cấu: Móng, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch, mái tole; Cấp: 4; Số tầng: 1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; chi phí thẩm định; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 10/10/2018, bà Phan Thị Thanh T kháng cáo yêu cầu không đồng ý xử lý tài sản thế chấp khi ông V bà H không trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thống nhất với các ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Bà T cho rằng căn nhà thế chấp để vay tiền ngân hàng là của bà và mẹ bà (bà C), nhưng bà không có khởi kiện gì về việc này. Còn tranh chấp giữa bà C và ông V về căn nhà này đã được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật xác định căn nhà và đất là của ông V. Do vậy, ông V thế chấp vay tiền là phù hợp, không chấp nhận kháng cáo của bà T, đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn nhà được vợ chồng ông V bà H thế chấp vay tiền ngân hàng là thuộc sở hữu của ông V bà H. Việc xác định căn nhà và đất thế chấp thuộc sở hữu của ông V được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật (Bản án số: 210/2016/DS-PT ngày 16/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An). Bà T kháng cáo cho rằng căn nhà thuộc sở hữu của bà T, bà C để không đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp khi ông V, bà H không trả nợ ngân hàng là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm xử là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bà T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

[2] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Thanh T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 355, Điều 474, Điều 715, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 16 Điều 4, Điều 11 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Mục 3 phần I Thông tư liên tịch 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính – TAND Tối cao – VKSND Tối cao hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Điều 6, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; An lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất. Tuyên xử:

1. Buộc ông Phan Ngọc V bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 204.916.722đ (Hai trăm lẻ bốn triệu chín trăm mười sáu ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng) (Trong đó tiền nợ gốc 160.000.000đ và tiền lãi là 44.916.722đ).

2. Buộc Phan Ngọc V bà Nguyễn Thị Mỹ H phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 26/9/2018 đến thời điểm thanh toán hết số tiền còn nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận với Ngân hàng Thương mại cổ phần B tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số: GDH/14/1451/PL ngày 30/12/2014 tương ứng với số vốn và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số nợ trên.

3. Buộc ông Phan Ngọc V bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 1.000.000đ chi phí thẩm định. Số tiền này Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã ứng ra, nên ông Phan Ngọc V, bà Nguyễn Thị Mỹ H phải hoàn lại 1.000.000đ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

4. Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp đối với tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0556.14/HĐTC ngày 13/11/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 0556.14/HĐTC ngày 31/10/2017 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần B chi nhánh Long An - PGD H

5. Trong trường hợp ông V bà H không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu xử lý phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp là: Thửa đất số: 489, tờ bản đồ số: 13, địa chỉ thửa đất: thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, diện tích: 100 m². Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nhà ở: Địa chỉ: Khu B, Ô 5 khu B, thị trấn H, huyện Đ, Long An; Diện tích xây dựng: 69,5 m² Diện tích sàn: 69,5 m² Kết cấu: Móng, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch, mái tole; Cấp: 4; Số tầng: 1.

6. Về án phí sơ thẩm:

Ông Phan Ngọc V bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 10.246.000(mười triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải nộp án phí. Hoàn tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B là 4.963.000đ (Bốn triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002810 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, Long An.

7. Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị Thanh T phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003499 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; bà T nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc